

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:135/2022/HS-ST
Ngày : 06/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hùng

Hội thẩm nhân dân: ông Đỗ Đình Thế, bà Vũ Thị Thanh,

-Thư ký phiên tòa: bà Mai Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q - Tỉnh Q tham gia phiên tòa: ông Phạm Tiên Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q - Tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 131/2022/HS-ST ngày 17/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2022/QĐXXST-HS ngày 17/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/HSST-QĐ ngày 28/11/2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn C.** Tên gọi khác: không. Sinh ngày 10 tháng 10 năm 2000, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** khu 14, phường H, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không. Trình độ văn hóa: 12/12, nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn B, họ và tên mẹ: Nguyễn Thị S. Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Vũ Thùy A, có một con sinh năm 2022, Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 29/3/2022, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Q, tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Đức T.** Tên gọi khác: không. Sinh ngày 05/6/2000, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** khu 14, phường H, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, trình độ văn hóa: 12/12. Họ tên bố: Nguyễn Văn C1, họ tên mẹ: Bùi Thị H. Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ ba. Vợ, con: chưa. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 29/3/2022, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Q, tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Văn T2.** Tên gọi khác: không. Sinh ngày 30/8/1999, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** khu 13, phường H, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, trình độ văn hóa: 8/12. Họ tên bố:

Phạm Văn B1; họ tên mẹ: Nguyễn Thị C2. Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Ngô Thị T3, có 1 con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 29/3/2022, hiện tạm giam tại **Trại tạm giam** Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Thái T4**. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 25/7/1988, tại thị xã Q, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn 6, xã H, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, trình độ văn hóa: 12/12. Họ tên bố: Nguyễn Văn T5; họ tên mẹ: Bùi Thị G. Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất. Vợ, con: chưa. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày **30/3/2022**, hiện tạm giam tại **Trại tạm giam** Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

5. **Vi Thị T6**. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 29/7/2004, tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Nơi thường trú: xóm H, xã C, huyện Q, tỉnh N. Nơi cư trú: khu 7, phường P, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam, **dân tộc: Thái**, tôn giáo: không, trình độ văn hóa: 9/12. Họ tên bố: Vi Văn C4; họ tên mẹ: Vi Thị C5. Anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ nhất. Chồng, con: chưa. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày **30/3/2022**, hiện tạm giam tại **Trại tạm giam** Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Hồng S**. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 04/9/2001, tại thị xã Q, tỉnh Q. Nơi thường trú: **khu 2**, phường H, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, văn hóa: 12/12. Họ tên bố: Nguyễn Ngọc M, họ tên mẹ: Lê Thị T7. Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất. Vợ, con: chưa. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo **đầu thú ngày 24/5/2022**, hiện tạm giam tại **Trại tạm giam** Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Vi Thị T6**: ông Phạm Thành D, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q có mặt tại phiên tòa.

-**Người làm chứng**:

- Anh Bùi Quang N, sinh năm 1999. Nơi cư trú: khu 3, phường H, thị xã Q, tỉnh Q.

- Anh Vũ Văn C6, sinh năm 1998. Nơi cư trú: khu 2, phường H, thị xã Q, tỉnh Q.

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: thôn Thành Giền, xã Tiên An, thị xã Q, tỉnh Q.

- Chị Nguyễn Thị Thảo H1, sinh năm 2001. Nơi cư trú: tổ 3, khu 4, phường T, thành phố U, tỉnh Q.

- Chị Phạm Thị Hoài N, sinh năm 2001. Nơi cư trú: khu N, phường N, thành phố U, tỉnh Q.

- Chị Phạm Thị Ngọc H2, sinh năm 2002. Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện N, tỉnh N

- Chị Sầm Thị Đ, sinh năm 1998. Nơi cư trú: thôn Lay 1, xã T, huyện H, tỉnh L
- Chị Nông Thị Đ2, sinh năm 2001. Nơi cư trú: thôn Lay 1, xã T, huyện H, tỉnh L
- Chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 2005. Nơi cư trú: thôn 2, xã N, huyện N, tỉnh N.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: **h**ồi 00 giờ 10 phút ngày 29/3/2022, tổ công tác của Công an thị xã Q tiến hành kiểm tra hành chính quán Karaoke Golden thuộc khu 7, phường P, thị xã Q do Ngô Doãn Dĩnh làm chủ. Tại thời điểm kiểm tra, phát hiện tại phòng hát Vip 3 có 12 nam, nữ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q thu giữ 01 chiếc đĩa sứ hình tròn, trên mặt đĩa có bám dính chất tinh thể màu trắng; 03 túi nilon màu trắng được hàn kín 03 đầu, đầu còn lại khóa kẹp, bên trong mỗi túi có bám dính chất tinh thể màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 2.000đồng được gấp đôi theo chiều dọc, trên mặt tờ tiền có bám dính chất tinh thể màu trắng; 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000đồng, trên mặt tờ tiền có dính chất tinh thể màu trắng; thu giữ của Nguyễn Đức T ½ viên nén màu xám không ghi rõ hình trong túi quần bên trái và 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen của Nguyễn Văn C; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu vàng của Phạm Văn T2; thu giữ nước tiểu của các đối tượng có mặt trong phòng Vip 3. Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn C giao nộp 01 thẻ nhựa ghi chữ Agribank, in tên “VU VAN MANH”.

Quá trình điều tra làm rõ: khoảng 17 giờ ngày 28/3/2022, tại quán bia Thành Đô thuộc khu 4, phường Yên Giang, thị xã Q, Nguyễn Văn C rủ Nguyễn Đức T và Nguyễn Thái T4 đi hát và tổ chức sử dụng ma túy tại quán Karaoke Golden, tiền mua ma túy và tiền thuê phòng hát sẽ chia đều cho cả 3 người. Do Thắng chưa có tiền nên Chung và Thiên ứng tiền trước, trong đó Chung cho Thắng vay 2.000.000đồng trong tài khoản để mua ma túy, Thiên góp 3.000.000 đồng để mua ma túy và trả tiền phòng hát. Thắng gọi cho Trần Văn Luân hỏi người bán ma túy nên Luân cho Thắng số điện thoại của Nguyễn Hồng S, sau đó Thắng gọi hỏi Sơn đặt mua 02 gam ma túy Ketamine với giá 4.000.000 đồng, Sơn cho Thắng số tài khoản, Thắng bảo Chung chuyển tiền vào số tài khoản 0399983386 - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB bank) mang tên Nguyễn Hồng S.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, Chung điều khiển xe ô tô chở Thắng và Thiên đến khu vực bến xe xã Liên Vị, thị xã Q, Thắng gọi điện báo cho Sơn biết đã đến nơi. Sau đó, có một người đàn ông đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm đi xe máy không rõ biển kiểm soát ném một vỏ bao thuốc lá Thắng

Long qua cửa kính ô tô (ghế phụ) chỗ Thắng ngồi, Thắng mở bao thuốc lá thấy bên trong có 02 túi Ketamine. Trên đường đến quán Karaoke Golden, Chung đưa cho Thắng ½ viên ma túy thuốc lắc Chung mua từ trước của người thanh niên không quen biết tại bến xe khách Bãi Cháy, thành phố Hạ Long. Khi đến quán Karaoke Golden, Thắng, Thiên đến quầy lễ tân đặt phòng hát và gọi nhân viên nữ phục vụ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, tại phòng VIP3, Thắng lấy trong túi quần ra ½ viên thuốc lắc và 02 gam Ketamine để trên mặt bàn, Chung lấy ½ viên thuốc lắc cho vào cốc nước Cocacola để pha chế rồi đi ra quầy lễ tân lấy thẻ nhựa ATM ghi chữ Agribank, in tên “VU VAN MANH” số thẻ 970405072273, Thắng lấy từ Thiên một tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng rồi đổ 01 túi Ketamine lên tờ tiền rồi gấp tờ tiền lại, dùng thẻ nhựa nghiền mịn Ketamine, Chung lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng từ Thiên cuộn thành ống hút, Thắng sử dụng sau đó đến Chung sử dụng. Tiếp đó, Thắng lấy 01 chiếc đĩa đựng hoa quả trong phòng hát lau khô rồi đổ ma túy trong tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng mời 03 nhân viên nữ là Phạm Thị Ngọc H2, sinh năm 2002; Vi Thị T6, sinh ngày 29/7/2004 và Nguyễn Thị Thu Thương, sinh ngày 28/7/2005, sử dụng. Tiếp đó, Truyền cầm đĩa Ketamine mời Thiên, Thắng, Chung sử dụng. Trong quá trình sử dụng ma túy Thắng gọi điện rủ Phạm Văn T2 đến hát và sử dụng ma túy, đồng thời bảo Tiến đến khu vực Dốc Vồng, phường Cộng Hòa, thị xã Q gặp người bạn chơi game với Thắng (không rõ tên tuổi địa chỉ) lấy 01 viên ma túy loại thuốc lắc để cho mọi người sử dụng và mua thêm ma túy. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày Tiến đến khu vực dốc Vồng, phường Cộng Hòa nhận 01 viên ma túy từ một thanh niên lạ mặt rồi rủ Vũ Văn C6, sinh năm 1988 lái xe ô tô cùng Trần Văn H, sinh năm 1988, Sầm Thị Đ, sinh năm 1998 và Nông Thị Đ2, sinh năm 2001 cùng đi sử dụng ma túy. Trên đường đi, Tiến gọi điện cho một người đàn ông không quen biết, đặt mua 04 viên thuốc lắc và 01 gam Ketamine với số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi nhận từ người đàn ông không quen biết ở khu vực trước quán Sông Chanh hội quán, thuộc khu 9, phường Quảng Yên 04 viên thuốc lắc và 01 gói ketamine tất cả đến quán Karaoke Golden, riêng Chuyên quay về đón Phạm Thị Hoài N sinh năm 2001 là bạn của Chuyên đến phòng hát. Tại phòng hát VIP3, Tiến đưa cho Thắng 01 viên ma túy thuốc lắc (nhờ Tiến lấy hộ trước đó). Khoảng 10 phút sau, Thắng bỏ túi ma túy (trước đó Tiến mua) để Truyền đổ lên đĩa, dùng thẻ nhựa ATM chế biến và cầm theo ống hút mời Tiến sử dụng. Tiếp đó, Tiến cầm đĩa Ketamine mời Diễm sử dụng. Khoảng 21 giờ 30 phút, khi Chuyên và Ngọc đến, Tiến tiếp tục cầm đĩa Ketamine mời Ngọc và Chuyên sử dụng. Tiến dùng tay bẻ 03 viên thuốc lắc mời Chuyên, Ngọc, Chung mỗi người ½ viên, mời Hưng ½ viên nhưng Hưng không sử dụng nên Tiến dùng cốc thủy tinh nghiền nhỏ cho vào cốc nước Cocacola để mời Diễm uống; Tiến cho thuốc lắc vào cốc nước Cocacola đưa cho Chung để mời 03 nhân viên nữ là Huyền, Truyền và Thương sử dụng nhưng cả 03 đều không uống, còn Đông sử dụng 01 viên. Khoảng 22 giờ, có Bùi Quang N sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Thảo H1 sinh năm 2001 (bạn của

Ngọc) đến chơi, Tiến cầm đĩa ma túy mời Ninh và Hương sử dụng, sau đó Thiên và Thương về trước. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 29/3/2022, Cơ quan Công an vào kiểm tra và thu giữ vật chứng nêu trên.

Ngày 24/5/2022, Nguyễn Hồng S đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận: Khoảng 17 giờ ngày 28/3/2022, Trần Văn Luân nhắn tin hỏi “có biết ở đâu bán ma túy không, để giới thiệu cho bạn”, Sơn trả lời “có”, sau đó có người thanh niên giới thiệu tên Thắng (bạn của Luân) hỏi mua 02 gam ma túy Ketamine, Sơn đồng ý bán với giá 4.000.000 đồng, Sơn liền gọi điện thoại cho 01 người đàn ông nhà ở TP Hạ Long hỏi mua ma túy (Sơn quen trước đó trong một lần đi sinh nhật ở bar H-Club, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long) và hẹn giao ma túy tại khu vực bến xe xã Liên Vị, thị xã Q. Sau khi nhận được tiền qua tài khoản, Sơn báo lại cho người đàn ông cầm ma túy đến đưa cho Thắng. Số tiền 4.000.000 đồng Sơn đã ăn tiêu hết.

Tại kết luận giám định số 119/KL-KTHS(MT), ngày 31/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: mảnh viên nén màu xám thu giữ của Nguyễn Đức T là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,28 gam; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền 20.000 đồng; 03 túi nilon đều có bám dính chất tinh thể màu trắng là ma túy, loại Ketamine, không đủ điều kiện để xác định khối lượng; 01 chiếc thẻ ATM ghi chữ Agribank, in tên “VU VAN MANH”, số thẻ 9704050722850273 có bám dính tinh thể màu trắng là ma túy, loại Ketamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng.

Tại kết luận giám định số 120/KL-KTHS(MT), ngày 31/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: các mẫu nước tiểu ghi thu của Phạm Văn T2, Vũ Văn C6, Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Nguyễn Đức T, Sầm Thị Đ, Phạm Thị Hoài N, Nông Thị Đ2 đều tìm thấy chất ma túy, loại MDMA và ketamine; các mẫu nước tiểu ghi thu của Bùi Quang N, Nguyễn Thị Thảo H1, Phạm Thị Ngọc H2, Vi Thị T6 đều tìm thấy chất Ketamine; 12 mẫu nước tiểu gửi giám định đều tìm thấy chất Dehydronorketamine - là sản phẩm chuyển hóa được tìm thấy khi con người sử dụng chất ma túy Ketamine.

Tại kết luận giám định số 128/KL-KTHS ngày 04/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: mẫu nước tiểu của Nguyễn Thị Thu Thương tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA và Ketamine; Mẫu nước tiểu của Nguyễn Thái T4 tìm thấy chất Dehydronorketamine, là sản phẩm chuyển hóa khi con người sử dụng chất ma túy Ketamine.

Về vật chứng gồm: 01 (một) phong bì niêm phong số 119/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng; 01 (một) hộp chữ nhật niêm phong số 119MT-A/PC09, mẫu vật hoàn lại sau giám định, bên trong có: 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng hình tròn; 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 03 (ba) vỏ túi nilon; 01 (một) chiếc thẻ ATM ghi chữ Agribank, in tên “VU VAN MANH” số thẻ 970405072273; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen thu giữ của

Nguyễn Đức T; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu vàng thu giữ của Phạm Văn T2 chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q quản lý.

Tại bản Cáo trạng số 128/CT - VKSQY ngày 14/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q đã truy tố Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thái T4 về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm **b, c** khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Văn T2, Vi Thị T6 về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm **b** khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Hồng S về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q giữ quan điểm truy tố các bị cáo theo nội dung bản Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm **b, c khoản 2 Điều 255**, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thái T4.

Xử phạt Nguyễn Văn C tù: 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù, thời hạn tù ngày bắt 29/3/2022

Xử phạt Nguyễn Đức T tù: 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù, thời hạn tù ngày bắt 29/3/2022

Xử phạt Nguyễn Thái T4: 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù, thời hạn tù ngày bắt **30/3/2022**

Áp dụng điểm **b khoản 2 Điều 255**, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn T2. Xử phạt Phạm Văn T2 tù: 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù, thời hạn tù ngày bắt 29/3/2022.

Áp dụng điểm **b khoản 2 Điều 255**, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với Vi Thị T6. Xử phạt Vi Thị T6 tù: 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù ngày bắt 29/3/2022.

Áp dụng **khoản 1 Điều 251**, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hồng S. Xử phạt Nguyễn Hồng S: từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù ngày bắt **24/5/2022**.

Về vật chứng: căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong số 119/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng; 01 (một) hộp chữ nhật niêm phong số 119MT-A/PC09, bên trong có: 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng hình tròn; 03 (ba) vỏ túi nilon; 01 (một) chiếc thẻ ATM ghi chữ Agribank, in tên “VU VAN MANH”.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone màu đen thu giữ của Nguyễn Đức T; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu

xám thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu vàng thu giữ của Phạm Văn T2; 01 (một) tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng; 01 (một) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng.

Truy thu số tiền 4.000.000 đ (bốn triệu đồng) của Nguyễn Hồng S nộp ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa: người bào chữa cho bị cáo Vi Thị T6 đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa **các bị cáo** không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó: các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức T; Phạm Văn T2; Nguyễn Thái T4; Vi Thị T6 khai nhận hành vi phù hợp với nội dung Cáo trạng.

Bị cáo Nguyễn Văn C khai: khoảng 17 giờ ngày 28/3/2022, tại quán bia Thành Đô, bị cáo rủ Nguyễn Đức T và Nguyễn Thái T4 đi hát và sử dụng ma túy tại quán Karaoke Golden, tiền mua ma túy và tiền thuê phòng hát sẽ chia đều cho cả 3 người. Bị cáo và Thiên ứng tiền trước, bị cáo cho Thắng vay 2.000.000 đồng trong tài khoản, Thiên góp 3.000.000 đồng để mua ma túy và trả tiền phòng hát. Thắng gọi điện thoại cho Trần Văn Luân hỏi người bán ma túy nên Luân cho Thắng số điện thoại của Nguyễn Hồng S, sau đó Thắng gọi hỏi Sơn đặt mua 02 gam ma túy Ketamine với giá 4.000.000 đồng, Sơn cho Thắng số tài khoản, Thắng bảo bị cáo chuyển tiền vào số tài khoản 0399983386 - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB bank) mang tên Nguyễn Hồng S. Sau đó, bị cáo cùng Thắng, Thiên đi xe ra bến xe Liên Vĩ, thị xã Q lấy ma túy của một người đeo khẩu trang đưa qua cửa kính xe ô tô 2 gói ma túy rồi đi đến quán sử dụng ma túy. Tại phòng hát VIP 3, Thắng để 2 túi ma túy vừa mua lên bàn, bị cáo bỏ ½ viên ma túy mua trước đó ở bến xe Bãi

Cháy rồi cho vào cốc nước coca-cola để pha chế rồi ra quầy lễ tân lấy thẻ nhựa ATM. Thắng lấy một tờ tiền 2.000 đồng rồi đổ 01 túi ma túy lên tờ tiền và dùng thẻ nhựa nghiền. Bị cáo lấy tờ tiền 20.000 đồng của Thiên cuộn thành ống hút. Thắng sử dụng trước sau đó đến bị cáo. Thắng lấy một đĩa sứ trong phòng lau khô và đổ ma túy từ tờ tiền ra đĩa rồi chế biến ma túy và mời 3 nhân viên sử dụng ma túy là Vi Thị T6, sinh ngày 29/7/2004, Nguyễn Thị Thu Thương; Phạm Ngọc Huyền. Truyền cầm đĩa ma túy mời bị cáo, Thắng, Thiên sử dụng. Sau đó, Tiến đến với một số người vào phòng hát và bỏ ma túy ra cùng mọi người sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Đức T khai phù hợp lời khai bị cáo Nguyễn Văn C. Bị cáo gọi điện cho Tiến đến hát và sử dụng ma túy. Bị cáo có bảo Tiến đến khu vực Dốc Vồng gặp một người bạn lấy 01 viên ma túy và mua thêm ma túy để sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Thái T4 khai phù hợp lời khai bị cáo Chung, Thắng tại phiên tòa.

Bị cáo Phạm Văn T2 khai phù hợp lời khai bị cáo Thắng. Bị cáo Thắng gọi điện thoại cho bị cáo rủ mua ma túy để sử dụng và đến Dốc Vồng lấy 01 viên ma túy của một người không quen biết đưa cho. Bị cáo rủ Chuyên, Hưng; Sầm Thị Đ; Nông Thị Đ2; Ngọc cùng đến quán sử dụng ma túy. Bị cáo mua 04 viên thuốc lắc và 01 gam Ketamine giá 4 triệu đồng. Bị cáo đã đưa cho Thắng 01 viên ma túy và đưa cho Truyền 01 túi ma túy để Truyền chế biến và cầm đĩa ma túy mời mọi người sử dụng. Bị cáo chế biến ma túy và nghiền cho vào cốc nước cô ca mời mọi người sử dụng. Bị cáo không mời Truyền và Nguyễn Thị Thu H3 sử dụng ma túy.

Bị cáo Vi Thị T6 khai: bị cáo là nhân viên phục vụ tại quán hát khi có người gọi đến. Bị cáo được Thắng mời sử dụng ma túy cùng Thương, Huyền. Sau khi bị cáo sử dụng ma túy do Thắng mời, bị cáo cầm đĩa ma túy mời Chung, Thắng, Thiên sử dụng. Bị cáo có chế biến ma túy do bị cáo Tiến đưa và mời Tiến sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Hồng S khai: Bị cáo được Luân nhắn tin hỏi mua ma túy. Bị cáo trả lời là có. Sau đó có Thắng gọi điện thoại hỏi mua 2 gam ma túy thì bị cáo gọi điện cho một người ở thành phố Hạ Long mua 2 gam ma túy với giá 4.000.000 đồng. Bị cáo gọi điện lại cho Thắng, nói giá tiền và yêu cầu Thắng chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo. Khi bị cáo nhận được tiền của Thắng thì bị cáo gọi người đàn ông ở thành phố Hạ Long cầm ma túy cho Thắng. Số tiền 4.000.000 đồng Sơn đã tiêu hết.

Người làm chứng: anh Trần Văn Luân khai khi được Nguyễn Đức T hỏi người bán ma túy, anh Luân cho số điện thoại của Sơn để liên lạc. Việc Thắng mua ma túy của Sơn thế nào anh Luân không biết.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Thu Thương, Phạm Thị Ngọc H2 khai: tại phòng hát Truyền và Thăng là người chế biến ma túy, bê đĩa ma túy mời mọi người sử dụng. Chị Nông Thị Đ2, Nguyễn Thị Hương; Sầm Thị Đ; Bùi Quang N; Vũ Văn C6 khai: Nguyễn Đức T là người đưa túi ma túy cho Truyền để Truyền chế biến và mời mọi người sử dụng.

Như vậy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của người làm chứng; phù hợp với **biên bản kiểm tra hành chính**; phù hợp với các chứng cứ khác trong vụ án. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận: khoảng 18 giờ ngày 29/3/2022, tại bến xe xã Liên Vị, thị xã Q, tỉnh Q, Nguyễn Hồng S đã bán cho Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức T và Nguyễn Thái T4 02 túi ma túy loại Ketamine với giá 4.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ 19 giờ ngày 29/3/2022 đến 00 giờ 10 phút ngày 30/3/2022, tại phòng Vip 3, quán Karaoke Golden thuộc khu 7, phường P, thị xã Q, tỉnh Q do Ngô Doãn Đình làm chủ; Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thái T4, Vi Thị T6 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Vũ Văn C6, Trần Văn H, Sầm Thị Đ, Phạm Thị Hoài N, Nông Thị Đ2, Bùi Quang N, Nguyễn Thị Thảo H1, Phạm Thị Ngọc H2 sử dụng trái phép chất ma túy. Cũng trong khoảng thời gian trên, tại phòng Vip 3, quán Karaoke Golden thuộc khu 7, phường P, thị xã Q, tỉnh Q, Phạm Văn T2 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép cho Vũ Văn C6, Trần Văn H, Sầm Thị Đ, Phạm Thị Hoài N, Nông Thị Đ2, Bùi Quang N, Nguyễn Thị Thảo H1.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C; Nguyễn Đức T; Nguyễn Thái T4 đã phạm tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Phạm Văn T2, Vi Thị T6 phạm tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định:

1. “Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

2. Phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi.”

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Các bị cáo nhận thức được việc

mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng do coi thường pháp luật, bị cáo Nguyễn Văn C đã rủ Nguyễn Đức T, Nguyễn Thái T4 góp tiền cùng mua ma túy và tổ chức sử dụng ma túy. Bị cáo Nguyễn Văn Thắng trực tiếp liên hệ mua 02 gam ma túy Ketamine của Nguyễn Hồng S với giá 4 triệu đồng. Sau khi mua được ma túy các bị cáo đã có hành vi rủ, tụ tập đông người, chuẩn bị công cụ phương tiện dùng ma túy, và chế biến ma túy để tổ chức cho nhiều người cùng sử dụng. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo làm ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế và làm gia tăng các loại tội phạm khác; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội.

Bị cáo Nguyễn Hồng S có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Đức T nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thái T4 đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với hai tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn T2, Vi Thị T6 đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Cho nên việc đưa các bị cáo ra xử lý trước pháp luật là cần thiết, đáp ứng yêu cầu phòng chống các tội phạm ma túy trong tình hình hiện nay.

Về vai trò các bị cáo trong vụ án: đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy: bị cáo Nguyễn Hồng S thực hiện hành vi “mua bán trái phép chất ma túy” nên phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập.

Về hành vi “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”: đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn C là người khởi xướng, rủ bị cáo Thắng, Thiên góp tiền mua ma túy chung và tổ chức sử dụng chất ma túy cho nhiều người; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi nên giữ vai trò đầu. Tiếp đến là vai trò của bị cáo Thắng: tiếp nhận ý chí của bị cáo Chung, góp tiền cùng mua ma túy, trực tiếp gọi điện rủ Tiến đến hát và bảo Tiến lấy hộ ma túy, mua thêm ma túy để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người; cho người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi nên giữ vai trò thứ hai. Tiếp đến là vai trò của bị cáo Thiên, Tiến. Bị cáo Thiên cùng góp tiền mua ma túy; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi. Bị cáo Tiến là người đi mua ma túy; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người nên bị cáo Thiên, Tiến giữ vai trò thứ ba. Giữ vai trò sau cùng là bị cáo Vi Thị T6: chế biến ma túy, tổ chức sử dụng ma

túy cho nhiều người. Vì vậy, cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi các bị cáo gây nên.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi vi phạm nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Sơn sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú; bị cáo Vi Thị T6 thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vi Thị T6 khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo yên tâm cải tạo sau trở thành người có ích cho xã hội.

[5]. Về vật chứng: lượng ma túy hoàn lại sau giám định niêm phong trong phong bì số 119/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và 01 (một) hộp chữ nhật niêm phong số 119MT-A/PC09, bên trong có 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng hình tròn; 03 (ba) vỏ túi nilon; 01 (một) chiếc thẻ ATM ghi chữ Agribank, in tên “VU VAN MANH” là công cụ các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của Nguyễn Đức T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng thu giữ của Phạm Văn T2; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; một tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng. Điện thoại các bị cáo sử dụng để mua bán ma túy, 2 tờ tiền dùng làm công cụ chế biến ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 4.000.000 đ (bốn triệu đồng) Nguyễn Hồng S bán ma túy cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Vấn đề khác: đối với người thanh niên bán 04 viên thuốc lắc và túi Ketamine tại khu 9, phường Quảng Yên và người thanh niên đưa 01 viên ma túy cho Phạm Văn T2 tại khu vực Dốc Vồng, phường Cộng Hòa, thị xã Q; người đàn ông bán thuốc lắc cho Nguyễn Văn C tại khu vực bến xe khách Bãi Cháy, thành phố Hạ Long; người đàn ông ở thành phố Hạ Long bán 02 gam Ketamine cho Nguyễn Đức Thắng. Cơ quan điều tra không xác định được con người, lai lịch cụ thể nên không đề cập xử lý.

Đối với Trần Văn Luân là người cho Nguyễn Đức T số điện thoại của Sơn nhưng không tham gia việc mua bán ma túy giữa Sơn và Thắng nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Bùi Quang N, Vũ Văn C6, Trần Văn H, Phạm Thị Hoài N, Nguyễn Thị Thảo H1, Phạm Thị Ngọc H2, Sầm Thị Đ, Nông Thị Đ2 và Nguyễn Thị Thu Thương có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thị xã Q ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Anh Ngô Doãn Đình không biết người khác sử dụng trái phép chất ma túy tại cơ sở do mình quản lý, đã vi phạm quy định tại khoản 4, Điều 23, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ; Công an thị xã Q, tỉnh Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 20.000.000 đồng.

[7]. Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, là đối tượng nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức T; Nguyễn Thái T4; Phạm Văn T2 phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo Vi Thị T6 là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo **điểm d khoản 1 Điều 12 NQ - 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức T; Nguyễn Thái T4; Phạm Văn T2, Vi Thị T6 phạm tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” .

Bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy” .

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn Chung; Nguyễn Đức T; Nguyễn Thái T4.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn T2.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; **Điều 91; Điều 101** Bộ luật Hình sự đối với Vi Thị T6.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hồng S.

Xử phạt Nguyễn Văn C: 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 29/3/2022.

Xử phạt Nguyễn Đức T: 7(bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 29/3/2022.

Xử phạt Nguyễn Thái T4: 7 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt **30/3/2022.**

Xử phạt Phạm Văn T2: 7 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 29/3/2022.

Xử phạt Vi Thị T6: 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 29/3/2022.

Xử phạt Nguyễn Hồng S: 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 24/5/2022.

2. Về vật chứng:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì số 119/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng; 01 (một) hộp chữ nhật niêm phong số 119MT-A/PC09, bên trong có 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng hình tròn; 03 (ba) vỏ túi nilon; 01 (một) chiếc thẻ ATM ghi chữ Agribank, in tên “VU VAN MANH”

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của Nguyễn Đức T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng thu giữ của Phạm Văn T2; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; một tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng. Tình trạng vật chứng tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2022 giữa Công an thị xã Q và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q.

Truy thu của Nguyễn Hồng S số tiền 4.000.000 đ (bốn triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1-2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Luật phí và lệ phí.

Các bị cáo Nguyễn Văn C; Nguyễn Đức T; Nguyễn Thái T4; Phạm Văn T2; Nguyễn Hồng S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Vi Thị T6 được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn C; Nguyễn Đức T; Nguyễn Thái T4; Phạm Văn T2; Vi Thị T6; Nguyễn Hồng S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

NOI NHẬN

- TAND tỉnh Q;
- Viện KSNDTX Q;
- Viện KSND tỉnh Q;
- Cơ quan CSĐT CA TX Q;
- Trại tạm giam CAT Q;
- Nhà tạm giữ CATX Q;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADSTX Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Phan Hùng**